

Kính gửi: Sở Tài Chính Khánh Hòa .

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thanh Hải gửi biểu mẫu đăng ký giá Gas gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng kê khai mức giá.
2. Bảng giải trình lý do điều chỉnh giá bán hàng hóa, dịch vụ.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày **01/06/2023** .

Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thanh Hải xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Thanh Hải

- Họ tên người nộp Biểu mẫu : NGÔ THỊ CẨM LINH
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: 16B Hồng Lĩnh – P.Phước Hòa – Tp.Nha Trang – T.Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0258.3877.737
- Email : thanhhaipg@gmail.com

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 08 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh hàng hóa và dịch vụ

Mức giá kê khai bán buôn dành cho đại lý cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (ĐVT: đồng)	Mức giá kê khai mới (ĐVT: đồng)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
1	Hơi gas bình 12kg Origin/Phoenix	Bình 12kg	Bình	284,500	249,500	(35,000)	-14.0
2	Hơi gas bình 45kg Origin/Phoenix	Bình 45kg	Bình	1,067,640	936,390	(131,250)	-14.0
3	Hơi gas bình 12kg Petrolimex	Bình 12kg	Bình	355,000	320,000	(35,000)	-10.9
4	Hơi gas bình 48kg Petrolimex	Bình 48kg	Bình	1,420,000	1,280,000	(140,000)	-10.9
5	Hơi gas bình 12kg H - gas	Bình 12kg	Bình	277,500	242,500	(35,000)	-14.4
6	Hơi gas bình 45kg H - gas	Bình 45kg	Bình	1,039,515	908,265	(131,250)	-14.5
7	Hơi gas bình 12kg PTVN	Bình 12kg	Bình	318,500	283,500	(35,000)	-12.3
8	Hơi gas bình 20kg PTVN	Bình 20kg	Bình	530,800	472,480	(58,320)	-12.3
9	Hơi gas bình 45kg PTVN	Bình 45kg	Bình	1,196,500	1,065,250	(131,250)	-12.3
10	Hơi gas bình 12kg An - gas	Bình 12kg	Bình	335,500	300,500	(35,000)	-11.6
11	Hơi gas bình 45kg An - gas	Bình 45kg	Bình	1,258,890	1,127,640	(131,250)	-11.6
12	Hơi gas bình 12kg V-gas	Bình 12kg	Bình	284,500	249,500	(35,000)	-14.0
13	Hơi gas bình 12kg SP	Bình 12kg	Bình	284,500	249,500	(35,000)	-14.0
14	Hơi gas bình 12kg dầu khí	Bình 12kg	Bình	284,500	249,500	(35,000)	-14.0
15	Hơi gas bình 20kg dầu khí	Bình 20kg	Bình	474,000	415,680	(58,320)	-14.0
16	Hơi gas bình 45kg dầu khí	Bình 45kg	Bình	1,066,875	935,625	(131,250)	-14.0
17	Hơi gas Elf - gas	Bình 12kg	Bình	368,000	332,000	(36,000)	-10.8

* Mức giá trên đã bao gồm thuế VAT

* Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/06/2023

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 08 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh hàng hóa và dịch vụ

Mức giá kê khai bán lẻ dành cho người tiêu dùng cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (ĐVT: đồng)	Mức giá kê khai mới (ĐVT: đồng)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
1	Hơi gas bình 12kg Origin/Phoenix	Bình 12kg	Bình	381,500	346,500	(35,000)	-10.1
2	Hơi gas bình 45kg Origin/Phoenix	Bình 45kg	Bình	1,431,390	1,300,140	(131,250)	-10.1
3	Hơi gas bình 12kg Petrolimex	Bình 12kg	Bình	392,000	357,000	(35,000)	-9.8
4	Hơi gas bình 48kg Petrolimex	Bình 48kg	Bình	1,568,000	1,428,000	(140,000)	-9.8
5	Hơi gas bình 12kg H-gas	Bình 12kg	Bình	374,500	339,500	(35,000)	-10.3
6	Hơi gas bình 45kg H-gas	Bình 45kg	Bình	1,405,140	1,273,890	(131,250)	-10.3
7	Hơi gas bình 12kg PTVN	Bình 12kg	Bình	415,500	380,500	(35,000)	-9.2
8	Hơi gas bình 20kg PTVN	Bình 20kg	Bình	692,500	634,180	(58,320)	-9.2
9	Hơi gas bình 45kg PTVN	Bình 45kg	Bình	1,560,250	1,429,000	(131,250)	-9.2
10	Hơi gas bình 12kg An - gas	Bình 12kg	Bình	381,500	346,500	(35,000)	-10.1
11	Hơi gas bình 45kg An - gas	Bình 45kg	Bình	1,431,390	1,300,140	(131,250)	-10.1
12	Hơi gas bình 12kg V-gas	Bình 12kg	Bình	381,500	346,500	(35,000)	-10.1
13	Hơi gas bình 12kg SP	Bình 12kg	Bình	381,500	346,500	(35,000)	-10.1
14	Hơi gas bình 12kg dầu khí	Bình 12kg	Bình	381,500	346,500	(35,000)	-10.1
15	Hơi gas bình 20kg dầu khí	Bình 20kg	Bình	635,800	577,480	(58,320)	-10.1
16	Hơi gas bình 45kg dầu khí	Bình 45kg	Bình	1,430,600	1,299,350	(131,250)	-10.1
17	Hơi gas Elf - gas	Bình 12kg	Bình	403,000	367,000	(36,000)	-9.8

* Mức giá trên đã bao gồm thuế VAT

* Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/06/2023

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	250,709	218,891	-14.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	250,709	218,891	-14.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	257,423	225,605	-14.1
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	258,636	226,818	-14.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	25,864	22,682	-14.0
	Giá bán (đã có thuế)	284,500	249,500	-14.0

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	947,510	828,192	-14.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	947,510	828,192	-14.4
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	967,720	848,402	-14.1
4	Lợi nhuận dự kiến	2,862	2,862	
	Giá bán chưa thuế	970,582	851,264	-14.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	97,058	85,126	-14.0
	Giá bán (đã có thuế)	1,067,640	936,390	-14.0

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	314,800	282,982	-11.2
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	314,800	282,982	-11.2
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	321,514	289,696	-11.0
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	322,727	290,909	-10.9
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	32,273	29,091	-10.9
	Giá bán (đã có thuế)	355,000	320,000	-10.9

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 48kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,265,566	1,138,293	-11.2
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,265,566	1,138,293	-11.2
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	16,224	16,224	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,286,790	1,159,517	-11.0
4	Lợi nhuận dự kiến	4,119	4,119	
	Giá bán chưa thuế	1,290,909	1,163,636	-10.9
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	129,091	116,364	-10.9
	Giá bán (đã có thuế)	1,420,000	1,280,000	-10.9

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 11 năm 2022

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 08 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : H-Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	244,346	212,528	-15.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	244,346	212,528	-15.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	251,060	219,242	-14.5
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	252,273	220,455	-14.4
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	25,227	22,045	-14.4
	Giá bán (đã có thuế)	277,500	242,500	-14.4

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : H-Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	921,942	802,623	-14.9
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	921,942	802,623	-14.9
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	942,152	822,833	-14.5
4	Lợi nhuận dự kiến	2,862	2,862	
	Giá bán chưa thuế	945,014	825,695	-14.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	94,501	82,570	-14.5
	Giá bán (đã có thuế)	1,039,515	908,265	-14.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	281,618	249,800	-12.7
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	281,618	249,800	-12.7
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	288,332	256,514	-12.4
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	289,545	257,727	-12.3
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	28,955	25,773	-12.3
	Giá bán (đã có thuế)	318,500	283,500	-12.3

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 20kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	472,668	419,650	-12.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	472,668	419,650	-12.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	2,856	2,856	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	480,524	427,506	-12.4
4	Lợi nhuận dự kiến	2,021	2,021	
	Giá bán chưa thuế	482,545	429,527	-12.3
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	48,255	42,953	-12.3
	Giá bán (đã có thuế)	530,800	472,480	-12.3

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,063,655	944,337	-12.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,063,655	944,337	-12.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,083,865	964,547	-12.4
4	Lợi nhuận dự kiến	3,862	3,862	
	Giá bán chưa thuế	1,087,727	968,409	-12.3
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	108,773	96,841	-12.3
	Giá bán (đã có thuế)	1,196,500	1,065,250	-12.3

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	296,786	264,968	-12.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	296,786	264,968	-12.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-		
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	303,500	271,682	-11.7
4	Lợi nhuận dự kiến	1,500	1,500	
	Giá bán chưa thuế	305,000	273,182	-11.6
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	30,500	27,318	-11.6
	Giá bán (đã có thuế)	335,500	300,500	-11.6

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,120,373	1,001,055	-11.9
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,120,373	1,001,055	-11.9
	Chi phí nhân công trực tiếp	-		
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,140,583	1,021,265	-11.7
4	Lợi nhuận dự kiến	3,862	3,862	
	Giá bán chưa thuế	1,144,445	1,025,127	-11.6
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	114,445	102,513	-11.6
	Giá bán (đã có thuế)	1,258,890	1,127,640	-11.6

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : V-gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	250,707	218,889	-14.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	250,707	218,889	-14.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	257,421	225,603	-14.1
4	Lợi nhuận dự kiến	1,215	1,215	
	Giá bán chưa thuế	258,636	226,818	-14.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	25,864	22,682	-14.0
	Giá bán (đã có thuế)	284,500	249,500	-14.0

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : SP
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	250,707	218,889	-14.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	250,707	218,889	-14.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	257,421	225,603	-14.1
4	Lợi nhuận dự kiến	1,215	1,215	
	Giá bán chưa thuế	258,636	226,818	-14.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	25,864	22,682	-14.0
	Giá bán (đã có thuế)	284,500	249,500	-14.0

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai lần kê
1	Chi phí sản xuất (*)	250,707	218,889	-14.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	250,707	218,889	-14.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	257,421	225,603	-14.1
4	Lợi nhuận dự kiến	1,215	1,215	
	Giá bán chưa thuế	258,636	226,818	-14.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	25,864	22,682	-14.0
	Giá bán (đã có thuế)	284,500	249,500	-14.0

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 20kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	421,032	368,014	-14.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	421,032	368,014	-14.4
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	2,856	2,856	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	428,888	375,870	-14.1
4	Lợi nhuận dự kiến	2,021	2,021	
	Giá bán chưa thuế	430,909	377,891	-14.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	43,091	37,789	-14.0
	Giá bán (đã có thuế)	474,000	415,680	-14.0

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	945,814	826,496	-14.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	945,814	826,496	-14.4
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	966,024	846,706	-14.1
4	Lợi nhuận dự kiến	3,862	3,862	
	Giá bán chưa thuế	969,886	850,568	-14.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	96,989	85,057	-14.0
	Giá bán (đã có thuế)	1,066,875	935,625	-14.0

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf - Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12,5kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	325,131	292,404	-11.2
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	325,131	292,404	-11.2
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	2,714	2,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	332,845	300,118	-10.9
4	Lợi nhuận dự kiến	1,700	1,700	
	Giá bán chưa thuế	334,545	301,818	-10.8
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	33,455	30,182	-10.8
	Giá bán (đã có thuế)	368,000	332,000	-10.8

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin Phoenix Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (D/bình)	Mức giá kê khai mới (D/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	287,924	256,106	-12.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	287,924	256,106	-12.4
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	44,169	44,169	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	337,093	305,275	-10.4
4	Lợi nhuận dự kiến	9,725	9,725	
	Giá bán chưa thuế	346,818	315,000	-10.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	34,682	31,500	-10.1
	Giá bán (đã có thuế)	381,500	346,500	-10.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,153,646	1,034,327	-11.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,153,646	1,034,327	-11.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,289,761	1,170,442	-10.2
4	Lợi nhuận dự kiến	11,503	11,503	
	Giá bán chưa thuế	1,301,264	1,181,945	-10.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	130,126	118,195	-10.1
	Giá bán (đã có thuế)	1,431,390	1,300,140	-10.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	311,164	279,345	-11.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	311,164	279,345	-11.4
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	34,839	34,839	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	351,003	319,184	-10.0
4	Lợi nhuận dự kiến	5,361	5,361	
	Giá bán chưa thuế	356,364	324,545	-9.8
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	35,636	32,455	-9.8
	Giá bán (đã có thuế)	392,000	357,000	-9.8

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 48kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,268,331	1,141,058	-11.2
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,268,331	1,141,058	-11.2
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	139,855	139,855	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,413,186	1,285,913	-9.9
4	Lợi nhuận dự kiến	12,269	12,269	
	Giá bán chưa thuế	1,425,455	1,298,182	-9.8
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	142,545	129,818	-9.8
	Giá bán (đã có thuế)	1,568,000	1,428,000	-9.8

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KẾ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : H Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

STT	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	297,705	265,886	-12.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	297,705	265,886	-12.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	335,955	304,136	-10.5
4	Lợi nhuận dự kiến	4,500	4,500	
	Giá bán chưa thuế	340,455	308,636	-10.3
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	34,045	30,864	-10.3
	Giá bán (đã có thuế)	374,500	339,500	-10.3

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : H Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,129,782	1,010,464	-11.8
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,129,782	1,010,464	-11.8
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,265,897	1,146,579	-10.4
4	Lợi nhuận dự kiến	11,503	11,503	
	Giá bán chưa thuế	1,277,400	1,158,082	-10.3
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	127,740	115,808	-10.3
	Giá bán (đã có thuế)	1,405,140	1,273,890	-10.3

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	318,833	287,015	-11.1
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	318,833	287,015	-11.1
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	44,169	44,169	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	368,002	336,184	-9.5
4	Lợi nhuận dự kiến	9,725	9,725	
	Giá bán chưa thuế	377,727	345,909	-9.2
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	37,773	34,591	-9.2
	Giá bán (đã có thuế)	415,500	380,500	-9.2

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 20kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	553,971	500,953	-10.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	553,971	500,953	-10.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	58,273	58,273	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	617,244	564,226	-9.4
4	Lợi nhuận dự kiến	12,301	12,301	
	Giá bán chưa thuế	629,545	576,527	-9.2
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	62,955	57,653	-9.2
	Giá bán (đã có thuế)	692,500	634,180	-9.2

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,267,791	1,148,473	-10.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,267,791	1,148,473	-10.4
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,403,906	1,284,588	-9.3
4	Lợi nhuận dự kiến	14,503	14,503	
	Giá bán chưa thuế	1,418,409	1,299,091	-9.2
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	141,841	129,909	-9.2
	Giá bán (đã có thuế)	1,560,250	1,429,000	-9.2

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	290,924	259,106	-12.3
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	290,924	259,106	-12.3
	Chi phí nhân công trực tiếp			
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	44,169	44,169	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	340,093	308,275	-10.3
4	Lợi nhuận dự kiến	6,725	6,725	
	Giá bán chưa thuế	346,818	315,000	-10.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	34,682	31,500	-10.1
	Giá bán (đã có thuế)	381,500	346,500	-10.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,150,646	1,031,327	-11.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,150,646	1,031,327	-11.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,286,761	1,167,442	-10.2
4	Lợi nhuận dự kiến	14,503	14,503	
	Giá bán chưa thuế	1,301,264	1,181,945	-10.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	130,126	118,195	-10.1
	Giá bán (đã có thuế)	1,431,390	1,300,140	-10.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : V-gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	304,068	272,250	-11.7
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	304,068	272,250	-11.7
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	342,318	310,500	-10.2
4	Lợi nhuận dự kiến	4,500	4,500	
	Giá bán chưa thuế	346,818	315,000	-10.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	34,682	31,500	-10.1
	Giá bán (đã có thuế)	381,500	346,500	-10.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : SP

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	304,068	272,250	-11.7
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	304,068	272,250	-11.7
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	342,318	310,500	-10.2
4	Lợi nhuận dự kiến	4,500	4,500	
	Giá bán chưa thuế	346,818	315,000	-10.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	34,682	31,500	-10.1
	Giá bán (đã có thuế)	381,500	346,500	-10.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	304,068	272,250	-11.7
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	304,068	272,250	-11.7
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	342,318	310,500	-10.2
4	Lợi nhuận dự kiến	4,500	4,500	
	Giá bán chưa thuế	346,818	315,000	-10.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	34,682	31,500	-10.1
	Giá bán (đã có thuế)	381,500	346,500	-10.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 20kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	510,084	457,066	-11.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	510,084	457,066	-11.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	55,416	55,416	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	570,500	517,482	-10.2
4	Lợi nhuận dự kiến	7,500	7,500	
	Giá bán chưa thuế	578,000	524,982	-10.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	57,800	52,498	-10.1
	Giá bán (đã có thuế)	635,800	577,480	-10.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,149,927	1,030,609	-11.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,149,927	1,030,609	-11.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,286,042	1,166,724	-10.2
4	Lợi nhuận dự kiến	14,503	14,503	
	Giá bán chưa thuế	1,300,545	1,181,227	-10.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	130,055	118,123	-10.1
	Giá bán (đã có thuế)	1,430,600	1,299,350	-10.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12,5kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	320,614	287,886	-11.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	320,614	287,886	-11.4
	Chi phí nhân công trực tiếp			
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	358,864	326,136	-10.0
4	Lợi nhuận dự kiến	7,500	7,500	
	Giá bán chưa thuế	366,364	333,636	-9.8
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	36,636	33,364	-9.8
	Giá bán (đã có thuế)	403,000	367,000	-9.8

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu